

XÃ IA TƠI

TRÍCH ĐO BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

HỆ TỌA ĐỘ VN-2000, KV THÔN 7, XÃ IA TƠI, TỈNH QUẢNG NGÃI, THUỘC TỜ BẢN ĐỒ SỐ 27  
PHỤC VỤ ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

TỈNH QUẢNG NGÃI - XÃ IA TƠI

TD 05 - 2026

| 495 500 | 495 600     | 1549<br>600                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                |             |  |                |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |  |
|---------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|--|----------------|---|------------|-----------|-------|---|------------|-----------|-------|---|------------|-----------|-------|---|------------|-----------|-------|---|------------|-----------|--|
|         |             | 1549<br>600                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                |             |  |                |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |  |
|         |             | <table><tr><th>Đỉnh</th><th colspan="2">Tọa độ đỉnh</th><th>Kích thước (m)</th></tr><tr><td>1</td><td>1549589,82</td><td>495511,14</td><td>47,66</td></tr><tr><td>2</td><td>1549582,26</td><td>495558,20</td><td>12,05</td></tr><tr><td>3</td><td>1549570,44</td><td>495555,84</td><td>48,83</td></tr><tr><td>4</td><td>1549578,89</td><td>495507,75</td><td>11,45</td></tr><tr><td>1</td><td>1549589,82</td><td>495511,14</td><td></td></tr></table> | Đỉnh           | Tọa độ đỉnh |  | Kích thước (m) | 1 | 1549589,82 | 495511,14 | 47,66 | 2 | 1549582,26 | 495558,20 | 12,05 | 3 | 1549570,44 | 495555,84 | 48,83 | 4 | 1549578,89 | 495507,75 | 11,45 | 1 | 1549589,82 | 495511,14 |  |
| Đỉnh    | Tọa độ đỉnh |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Kích thước (m) |             |  |                |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |  |
| 1       | 1549589,82  | 495511,14                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 47,66          |             |  |                |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |  |
| 2       | 1549582,26  | 495558,20                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 12,05          |             |  |                |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |  |
| 3       | 1549570,44  | 495555,84                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 48,83          |             |  |                |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |  |
| 4       | 1549578,89  | 495507,75                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 11,45          |             |  |                |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |  |
| 1       | 1549589,82  | 495511,14                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                |             |  |                |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |       |   |            |           |  |

(Kèm theo bảng mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất)

Ngày...01...tháng...04...năm 2026

Ngày...05...tháng...04...năm 2026

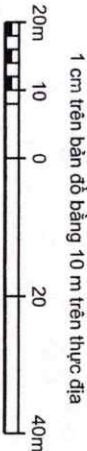
TỈ LỆ 1:1000

Ngày..... tháng..... năm 2026

Người sử dụng đất  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Đơn vị đo đạc  
(Ký tên, đóng dấu)

Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng  
Đại diện cơ quan quản lý đất đai xã, phường  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)



*Nguyễn Duy Lâm*

PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Phạm Ngọc Du*

# PHIẾU ĐO ĐẠC CHỈNH LÝ THỬA ĐẤT

- Ngày 01 Tháng 01 năm 2024



(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Duy Lâm



## BẢN MÔ TẢ RANH GIỚI, MỐC GIỚI THỬA ĐẤT

Ngày 30 tháng 03 năm 2026, Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật PQH đã cùng với các bên liên quan đã tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa của (ông, bà, ).....  
Nguyễn Duy Lâm  
đang sử dụng đất tại Thôn 7, xã Ia Tơi, tỉnh Quảng Ngãi.  
Sau khi xem xét hiện trạng về sử dụng đất và ý kiến thống nhất của những người sử dụng đất liền kề, Công ty TNHH Tư vấn xây dựng PQH đã xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất và lập bản mô tả ranh giới, mốc giới sử dụng đất như sau:

### SƠ HỌA RANH GIỚI, MỐC GIỚI THỬA ĐẤT

